

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11/8/2026 của HĐND xã Thuận Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng./.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến Quy mô đầu tư	Dự kiến nhu cầu vốn trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
	TỔNG SỐ			70.455	
I	Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung			19.830	
1	Đường lên phố Khau Tú (trường tiểu học thị trấn)	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông nhựa asphalt. hạng mục khác: Hè phố lát đá, bó vỉa hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng	2.000	
2	Xây dựng kè chống sạt lở đường Thôm Mòn - Púng Tra (đường đi sân Thể thao tại bản Thống Nhất B)	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ	1.830	
3	Đường liên bản: Bản Thăm - Bản Chùn	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, k chiều dài L=1500m	3.000	
4	Đường nội bộ bản Khem	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=1000m	2.000	
5	Đường nội bộ bản Cang	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=500m	1.000	
6	Đường nội bộ bản Nà Cang	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=500m	1.000	
7	Công vòm, cây xanh dọc đường nội thị, kè suối Muội	Phòng Kinh tế xã	Lắp đặt 02 Cổng chào, trồng cây xanh dọc tuyến đường chiều dài L=1200m	2.000	
8	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Chu Văn An và các hạng mục phụ trợ	Phòng Kinh tế xã	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	7.000	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất			22.400	
1	Đường lên thao trường huấn luyện Thuận Châu; đoạn đường nội bộ Thôn 5, xã Thuận Châu.	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu mặt đường láng nhựa; hạng mục khác: Hè phố lát đá, bó vỉa hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng (230m)	3.000	
2	Đường quốc lộ 6 - Bản Thôm (điểm đầu Km 321 +900 - điểm cuối bản Thôm, xã Thuận Châu)	Phòng Kinh tế xã	Đường GTNT cấp IV; mặt đường bê tông xi măng và các hạng mục phụ trợ (1.200m)	2.800	
3	Kè sân thể thao trường THCS Chu Văn An	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu xây bằng đá hộc vữa xi măng; các hạng mục phụ trợ (170m)	2.000	
4	Kè chắn lũ bản Bai	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu xây bằng đá hộc vữa xi măng; các hạng mục phụ trợ (200m)	600	
6	Cải tạo vỉa hè phố 21-11	Phòng Kinh tế xã	Lát đá (2000m)	4.000	
7	Nâng cấp, cải tạo đường phố 7-5	Phòng Kinh tế xã	bê tông nhựa asphalt. Nền mặt đường rộng tối thiểu 8m, có rãnh dọc, vỉa hè 2 bên (500m)	3.000	
8	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng 2 tầng (Trường TH-THCS Phổng Lãng cũ)	Phòng Kinh tế xã	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	7.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến Quy mô đầu tư	Dự kiến nhu cầu vốn trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
III	Nguồn Chương trình MTQG			28.225	
1	Đường nội bản Nà Cang (Đường đến điểm trường Ít Cang cũ)	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=300m	700	
2	Đường nội bộ bản Tịm Khem (Bản Khem cũ)	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=700m	1.545	
3	Đường nội bộ bản Nội Lọ (bản Nà Nội cũ)	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=700m	800	
4	Đường bộ bản Phổng Lãng (Đoạn Lãng Nội - Nong Pồng cũ)	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=3500m	10.000	
5	Đường liên Bản Lãng Nội - Phiêng Cại	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=400m	1.500	
6	Đường liên bản Bó Lanh - Bản Dừn	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=500m	1.850	
7	Đường phố Chu Văn An - Quốc lộ 6	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông nhựa asphalt. hạng mục khác: Hệ phố lát đá, bó vỉa hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng	2.500	
8	Đường liên Bản Lạnh - Bản Thẳm	Phòng Kinh tế xã	Kết cấu bê tông xi măng + phụ trợ, chiều dài L=1100m	2.755	
9	Nước sinh hoạt bản Dẹ	Phòng Kinh tế xã	Cấp nước sinh hoạt cho 180 hộ	3.375	
10	Công trình Văn hóa bản Chùn	Phòng Kinh tế xã	120 chỗ ngồi	1.500	
11	Công trình Văn hóa bản Thống Nhất B	Phòng Kinh tế xã	200 chỗ ngồi	1.700	